

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra nhanh chóng, đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực và đời sống nhân dân; trong đó, cốt lõi là công nghệ số và chuyển đổi số đã mở ra nhiều cơ hội, tạo điều kiện để các địa phương nắm bắt, bứt phá vươn lên về phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh bước đầu có đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh. Hạ tầng mạng viễn thông phủ rộng từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội. Đã triển khai thống nhất, đồng bộ các ứng dụng chung cơ bản của chính quyền điện tử như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp Q-office, hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số... kết nối liên thông dữ liệu giữa các cấp, thúc đẩy trao đổi, sử dụng văn bản điện tử và hình thành môi trường làm việc qua mạng, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Bước đầu tạo lập nền tảng về hạ tầng kỹ thuật (năm 2019, Quảng Nam xếp vị thứ 18/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Kết quả xếp hạng VIETNAM ICT INDEX 2019 do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Hội Tin học Việt Nam công bố), các phần mềm cơ sở dữ liệu dùng chung cơ bản đáp ứng yêu cầu ứng dụng tại các đơn vị. Việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp ngày càng được nâng cao về chất lượng và hiệu quả... Những kết quả đạt được nêu trên đã tạo cơ sở cho việc xây dựng chính quyền điện tử, hiện đại hóa nền hành chính trong công tác cải cách hành chính, đảm bảo việc ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hiệu quả quản lý nhà nước và cải cách hành chính, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước được công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí cho công dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số của tỉnh còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế: Hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư đồng bộ, hệ thống mạng diện rộng WAN, hội nghị truyền hình, trung tâm tích hợp dữ liệu chưa đáp ứng yêu cầu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao, chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu dùng chung cho người dân và doanh nghiệp, hệ thống ứng dụng chuyên ngành chưa kết nối để trao đổi dữ liệu và liên

thông nghiệp vụ. Chuyển đổi số đặt ra nhiều thách thức cả về kinh tế và xã hội, nhất là ở các vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác đấu tranh với tội phạm trên không gian mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng còn khó khăn, thách thức. Chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin thấp.

Những hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan; trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đó là: Nhận thức về chuyển đổi số của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và trong đời sống xã hội chưa đầy đủ; nguồn lực đầu tư cho công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tư duy trong chuyển đổi số chậm đổi mới, sức ỳ lớn; quản lý nhà nước về chuyển đổi số chưa theo kịp thực tiễn; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự chặt chẽ...

Để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau:

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Chủ động, tích cực thực hiện chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số tại tỉnh. Thay đổi nhận thức của cộng đồng, tư duy và ý chí quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số tại địa phương.

- Chuyển đổi số hướng đến lợi ích của người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phát triển bền vững của địa phương.

2. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, đưa Quảng Nam vào nhóm các tỉnh, thành phố thực hiện chuyển đổi số tốt; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích, phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân; tạo môi trường khởi nghiệp sáng tạo, chủ động tiếp cận và tận dụng các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp

lần thứ tư, phát triển kinh tế số, kinh tế chia sẻ; khuyến khích, hỗ trợ để hình thành các doanh nghiệp số có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

3.1.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 70% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 50% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;
- Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

3.1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu kinh tế số chiếm từ 08 - 10% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 07%.

3.1.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 70% hộ gia đình, 100% xã;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

3.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

3.2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp;

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

3.2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm trên 15% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 08%.

3.2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng thông rộng cáp quang;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về chuyển đổi số, nhất là Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương, đơn vị; lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và các sở, ban, ngành, đơn vị.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh

trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

- Các ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội phải tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; trong đó, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị.

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố chủ động lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như: Truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số

- Xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông, doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh... để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng; khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số. Ưu tiên bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác để thực hiện thành công các nhiệm vụ chuyển đổi số theo định hướng, kế hoạch của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có, tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh. Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

3. Đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tăng cường dùng chung hạ tầng thông tin. Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số trong công tác bảo đảm an toàn thông tin; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Xây dựng và

triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; trong đó, tập trung phát triển hạ tầng viễn thông, sóng di động, cáp quang đến 100% các xã miền núi của tỉnh. Phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn tỉnh.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6); mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối mạng IoT; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

- Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi. Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như: Thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số...

4. Xây dựng chính quyền số, hình thành các đô thị thông minh

- Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng theo hướng dẫn của Trung ương, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và các cấp ủy.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng

công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định, hiệu quả.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số mọi quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

- Xây dựng Cổng dữ liệu của tỉnh, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia; phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để khai thác, sử dụng.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp theo thời gian thực.

- Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social), cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động (Mobile), phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng.

- Phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công của tỉnh, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, từ đó phổ biến, nhân rộng.

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

- Triển khai xây dựng đô thị thông minh, trước mắt đầu tư nguồn lực cho 04 đô thị (thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và huyện Núi Thành),

tập trung xây dựng hệ thống giao thông thông minh, hệ thống giám sát an ninh thông minh, số hóa lĩnh vực tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục...

5. Phát triển kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế của tỉnh.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; trong đó, hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Pay, VNPT Pay,...).

6. Phát triển xã hội số

- Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp của tỉnh. Hình thành văn hóa số, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, để không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tham gia thực hiện thủ tục hành chính của người dân với chính quyền các cấp. Mở rộng các kênh kết nối phục vụ thực hiện thủ tục hành chính của người dân dựa trên nền tảng các mạng xã hội.

7. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

7.1. Xây dựng chính quyền số

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII với mục tiêu cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; triển khai phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai

đoạn 2021 - 2025 đảm bảo các mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 17/NQ-CP, ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin; triển khai hệ thống “phòng họp không giấy” và hệ thống Hội nghị trực tuyến liên thông toàn tỉnh. Quản trị và vận hành tốt Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy, xây dựng trung tâm dữ liệu dùng chung, thống nhất trong các cơ quan đảng tỉnh. Xây dựng, hiệu chỉnh và đưa vào ứng dụng diện rộng các phần mềm đặc thù cho các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh (phần mềm hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; phần mềm theo dõi triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh...).

- Triển khai, hoàn thiện các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trong thời gian tới hướng đến ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất và chất lượng các hoạt động liên quan đến thông tin các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình chuyển đổi số của tỉnh. Hình thành hệ sinh thái các hệ thống thông tin tổng hợp, góp phần cải cách thủ tục hành chính. Đặc biệt, chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

7.2. Lĩnh vực y tế

- Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ xa; từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh. Phấn đấu 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sỹ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

7.3. Lĩnh vực giáo dục

- Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa; trong đó, thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

7.4. Lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, hướng dẫn, khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp tập trung vào các sản phẩm OCOP chủ lực của tỉnh, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Tập trung xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành về: Đất đai, thổ nhưỡng, phòng, tránh thiên tai; kinh tế vườn... để người nông dân có thông tin nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương. Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như: Dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch...

7.5. Lĩnh vực du lịch

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển du lịch thông minh trong quảng bá, xúc tiến, thu hút du khách và quản lý trên lĩnh vực du lịch, tăng cường ứng dụng mobile, AI và chatbot, các kênh tương tác online cho phép đánh giá (rating), nhận xét (review) về chất lượng dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Cổng thông tin du lịch Quảng Nam thể hiện thông tin du lịch Quảng Nam một cách đầy đủ và chính xác. Hoàn thành việc số hóa toàn bộ dữ liệu về hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú do tỉnh Quảng Nam quản lý. Hình thành hệ thống thông tin về số khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch và khách du lịch.

- Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động cung cấp thông tin cho khách du lịch về điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch, thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh.

- Hệ thống bản đồ số hóa các dữ liệu liên quan đến các đối tượng của lĩnh vực du lịch quản lý của tỉnh Quảng Nam (khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch...) tích hợp với Cổng thông tin du lịch và ứng dụng trên thiết bị di động. Xây dựng tour ảo hay tour tương tác nhằm mô phỏng địa điểm du lịch (ảnh 360, video 360, ảnh Flycam...), giúp cho du khách có thể hiểu rõ hơn về địa điểm sắp tham quan và thu hút khách du lịch.

7.6. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường như: Quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, biến đổi khí hậu; bản đồ số...; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

- Xây dựng Cổng thông tin không gian địa lý tỉnh Quảng Nam; Cổng thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường, hệ thống kho dữ liệu số tài nguyên môi trường. Nâng cấp xây dựng hệ thống mạng diện rộng WAN ngành tài nguyên môi trường.

7.7. Chuyển đổi số trong quản lý quy hoạch, xây dựng, giao thông vận tải

- Phát triển cơ sở dữ liệu hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy chữa cháy, viễn thông, lưới điện... trên nền tảng công nghệ GIS. Xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp phép xây dựng tỉnh Quảng Nam, hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch, hạ tầng đô thị trên địa bàn toàn tỉnh. Số hóa hồ sơ các bản đồ quy hoạch nhằm cung cấp thông tin quy hoạch cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư theo đúng quy định.

- Xây dựng hệ thống quản lý hạ tầng giao thông theo mô hình dữ liệu số trên nền hệ thống thông tin địa lý nhằm chia sẻ cho các cơ quan có liên quan khai thác sử dụng phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước trên lĩnh vực quản lý hạ tầng giao thông vận tải.

7.8. Chuyển đổi số cấp xã gắn với xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng xã thông minh tại các địa phương tối thiểu 01 xã/01 huyện, thị xã, thành phố nhằm thúc đẩy thu hẹp khoảng cách số giữa khu vực nông thôn và thành thị, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chính quyền xã, góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; tăng cường tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền; hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ tiện ích, thuận lợi nhất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an toàn, an ninh trật tự và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Triển khai hạ tầng số (kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hội nghị truyền hình, hệ thống truyền thanh thông minh, camera an ninh...). Phát triển thương mại điện tử, đưa sản phẩm nông sản lên sàn giao dịch. Triển khai y tế thông minh, tư vấn, chăm sóc sức khỏe từ xa cho người dân, xây dựng chính quyền điện tử cấp xã. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ xã về chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch, đề án; ban hành cơ chế, chính sách bảo đảm nguồn lực để thực hiện theo lộ trình, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, phối hợp các cơ quan thông tin, báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia tiến trình chuyển đổi số của tỉnh; kịp thời nêu gương những địa phương, đơn vị làm tốt, các mô hình tiêu biểu để nhân rộng.

4. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan làm tốt công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm tiếp tục chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng và các ban xây dựng Đảng Trung ương,
- Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận và tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

